

BÁO CÁO

Về tình hình, kết quả thực hiện Kiểm soát thủ tục hành chính Quý III năm 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính (KSTTHC); Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện KSTTHC từ ngày 16/6/2019 đến ngày 15/9/2020 (Quý III năm 2020) của tỉnh An Giang như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính (TTHC); Thẩm định, thẩm tra TTHC trong lập đề nghị xây dựng và dự án, dự thảo VBQPPL

Trong Quý III năm 2020 tỉnh An Giang không ban hành TTHC trong xây dựng và dự thảo VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh.

2. Về công bố, công khai TTHC

Trong Quý III năm 2020, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 19 Quyết định công bố danh mục TTHC : ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của một số cơ quan, đơn vị (*Phụ lục 2*).

Tổng số TTHC được UBND tỉnh công bố trong Quý III năm 2020 bao gồm ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế là 323 thủ tục; bãi bỏ, hủy bỏ: 221 thủ tục. Đến nay tổng số TTHC trên địa bàn tỉnh là 1.967 (Giảm 01 thủ tục so với quý 2/2020) TTHC (Cấp tỉnh: 1420 TTHC; Cấp huyện: 367 TTHC; Cấp xã: 180 TTHC)¹.

3. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC

(1). Kết quả chung: Trong Quý III năm 2020, trên địa bàn toàn tỉnh An Giang đã tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và giải quyết TTHC với tổng số hồ sơ là **1.009.606** hồ sơ, cụ thể:

¹ Số liệu chốt ngày 28/9/2020 trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về Thủ tục hành chính.

- **Số hồ sơ nhận giải quyết: 1.009.606 hồ sơ** bao gồm: mới tiếp nhận trực tuyến: 306.312 hồ sơ, số kỳ trước chuyển qua: 18.604 hồ sơ, số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính): 684.690 hồ sơ.

- **Kết quả giải quyết:** tổng số hồ sơ đã giải quyết là **993.123** hồ sơ. Trong đó, hồ sơ đã giải quyết là **993.123** hồ sơ chiếm 98.367% (*cụ thể: trả đúng hạn là 992.749 hồ sơ chiếm 99,962%, trả quá hạn 94 hồ sơ chiếm 0.038%*). Hồ sơ chưa đến hạn (đang) giải quyết 28.584 hồ sơ chiếm 1.633%.

Riêng số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, tổng số **716.930** hồ sơ. Trong đó, hồ sơ đã giải quyết là **703.878** hồ sơ chiếm 98.179% (*cụ thể: trả đúng hạn: 703.804 hồ sơ chiếm 99.989 %; trả quá hạn 74 hồ sơ chiếm 0.011%*); Hồ sơ chưa đến hạn (đang) giải quyết 13.546 hồ sơ chiếm 1.821%.

***Ghi chú:** tỷ lệ giải quyết hồ sơ, TTHC chi tiết từng đơn vị (*phụ lục 5*).

(2). Kết quả thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh An Giang:

Tổng số hồ sơ tiếp nhận 23.486 hồ sơ. Trong đó, số hồ sơ tiếp nhận mới trong kỳ là 20.880 hồ sơ (*trong đó mức độ 3 là 4.514 hồ sơ chiếm 22%, mức độ 4 là 5.286 hồ sơ chiếm 25,3%*); Hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 2.606 hồ sơ; Hồ sơ không đủ điều kiện: 190 hồ sơ. Tổng số hồ sơ phải xử lý là 23.296 hồ sơ.

- Tổng số hồ sơ đã xử lý trong kỳ là 21.894 hồ sơ (trong đó đúng hạn 21.866 hồ sơ chiếm 99,9%, trễ hạn 28 hồ sơ chiếm tỷ lệ 0,1%). Nguyên nhân giải quyết hồ sơ trễ hạn chủ yếu là do cán bộ phòng chuyên môn xử lý chậm trễ.

- Hồ sơ đang giải quyết là 1.402 hồ sơ, tất cả hồ sơ đều còn trong thời hạn giải quyết, không có hồ sơ quá hạn mà chưa giải quyết.

- Hồ sơ thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích trong kỳ: tiếp nhận 1.111 hồ sơ và trả kết quả 5.322 hồ sơ.

- Trong Quý III năm 2020, TTPVHCC đã nhận được 689 lượt ý kiến đánh giá, đa số nhận được sự đánh giá tích cực về hoạt động của TTPVHCC: hài lòng về chất lượng dịch vụ (241 lượt), thái độ phục vụ (422 lượt); không hài lòng với nghiệp vụ nhân viên (10 lượt), thời gian giao dịch (04 lượt). TTPVHCC không nhận được phản ánh, kiến nghị (PAKN) của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

4. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Trong Quý III năm 2020, trên địa bàn tỉnh An Giang đã tiếp nhận 14 PAKN liên quan đến thực hiện TTHC , cụ thể:

- Số PAKN về hành vi hành chính: 2 trường hợp (Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo huyện Phú Tân).

- Số PAKN về nội dung quy định hành chính: 12 trường hợp (11 trường hợp thuộc Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế - Bảo hiểm xã hội Việt Nam tỉnh An Giang; 01 trường hợp Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo).

Đến nay đã xử lý xong 14 PAKN liên quan đến thực hiện TTHC (Ngành dọc: 12 trường hợp; Cấp tỉnh: 1 trường hợp).

5. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC

Trong Quý III năm 2020, UBND tỉnh An Giang đã có Báo cáo số 559/BC-UBND ngày 09/9/2020 về báo cáo rà soát, đánh giá TTHC năm 2020.

6. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

UBND tỉnh đã chỉ đạo đơn vị phụ trách khẩn trương hoàn thành dự thảo tuyên truyền về hoạt động KSTTHC nói chung, hoạt động cải cách TTHC nói riêng. Đồng thời UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo Sở, Ban, Ngành kịp thời công khai các danh mục TTHC cũng như nội dung chi tiết trên cổng thông tin điện tử của đơn vị và trên cổng dịch vụ công của tỉnh <https://dichvucong.angiang.gov.vn>.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1807/QĐ-UBND Ban hành Kế hoạch tuyên truyền Cải cách TTHC năm 2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang. Trong Quý III, UBND tỉnh đã triển khai thực hiện thay 11 Pano tuyên truyền trên 11 đơn vị cấp huyện.

7. Về việc nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 ban hành Danh mục TTHC thực hiện “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn” vào ngày thứ tư hàng tuần tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang theo Kế hoạch số 356/KH-UBND ngày 24/6/2019 của UBND tỉnh An Giang về Thực hiện “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn” tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cơ quan hành chính (CQHC) các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm túc việc rút ngắn 20% thời gian giải quyết TTHC so với quy định của Trung ương²; TTHC cấp trên giao cấp dưới tiếp nhận và ngược lại³;

8. Về tình hình, kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

a) Tình hình triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP

- Thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Trong năm 2018, UBND tỉnh An Giang đơn ban hành Kế hoạch số 548/KH-UBND ngày 06/9/2018 về triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

² Quyết định: 2048/QĐ-UBND ngày 22/8/2019; Quyết định: 2026/QĐ-UBND ngày 19/8/2019

³ Quyết định: 2375/QĐ-UBND ngày 10/01/2019; Quyết định: 1058/QĐ-UBND ngày 12/5/2020

- Đến nay trên địa bàn tỉnh An Giang đã hoàn thành việc kiện toàn 100% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã, trong đó bao gồm cả TTPVHHC của tỉnh⁴.

- Hiện nay, tỉnh An Giang cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ đã đặt ra theo Kế hoạch số 548/KH-UBND ngày 06/9/2018 về triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

b) Tình hình công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa; danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh

Đến nay, UBND tỉnh đã công bố danh mục với 100% TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa đảm bảo đúng quy định tại Điều 14 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/04/2018 của Văn phòng Chính phủ và danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

Trong quý III năm 2020, UBND tỉnh đã công bố 19 Quyết định về công bố danh mục TTHC: ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của một số cơ quan, đơn vị (*Phụ lục 2*); Phê duyệt 02 Quyết định về quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của các đơn vị (*Phụ lục 3*).

c) Tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại địa phương

Trong quý III năm 2020, Trên địa bàn tỉnh An Giang giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tổng số **716.930** hồ sơ. Trong đó, hồ sơ đã giải quyết là **703.878** hồ sơ chiếm 98.179% (*cụ thể: trả đúng hạn: 703.804 hồ sơ chiếm 99.989 %; trả quá hạn 74 hồ sơ chiếm 0.011%*); Hồ sơ chưa đến hạn (đang) giải quyết 13.546 hồ sơ chiếm 1.821%.

d) Tình hình, kết quả thực hiện đánh giá về việc giải quyết TTHC

UBND tỉnh đã hoàn thành tích hợp hệ thống đánh giá việc giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công trực tuyến đúng theo quy định tại Điều 14 của Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Tuy nhiên đến nay không phát sinh số lượt đánh giá, nguyên nhân chủ yếu do người dân còn tâm lý e ngại chưa mạnh dạng đánh giá, tiêu chí đánh giá quá nhiều.

⁴ Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang.

e) Tình hình, kết quả đề xuất các TTHC thực hiện liên thông

Hiện nay tỉnh An Giang vẫn đang thực hiện Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 về công bố danh mục TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

- Liên thông giữa các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh với 20 lĩnh vực và 123 thủ tục.

- Liên thông cùng cấp:

+ Cấp tỉnh với 18 lĩnh vực và 170 thủ tục.

+ Cấp xã với 1 lĩnh vực và 7 thủ tục.

+ Các cơ quan ngành dọc với 6 lĩnh vực và 15 thủ tục.

* UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan đơn vị tiến hành rà soát, trình UBND tỉnh ban hành thay thế Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 17/9/2019.

9. Nội dung khác

a) *Kiến toàn hệ thống cán bộ đầu mối tại các Sở, Ban, Ngành, UBND cấp huyện, cấp xã*

Nhằm huy động sự tham gia của cán bộ, công chức vào việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của công tác KSTTHC, UBND tỉnh đã phân cấp về UBND cấp huyện phê duyệt danh sách công chức làm đầu mối KSTTHC trên địa bàn tỉnh. Theo đó, danh sách cán bộ, công chức làm nhiệm vụ là đầu mối KSTTHC từ cấp tỉnh đến cấp xã gồm 434 người, trong đó: cấp tỉnh: 68 người, ngành dọc: 21 người, cấp huyện: 33 người, cấp xã: 312 người.

Thực hiện Đề án số 195/ĐA-VPUBND ngày 17/5/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về sắp xếp, tinh gọn bộ máy Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã được phê duyệt tại Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 07/6/2019, trong đó giải thể Phòng KSTTHC và chuyển nhiệm vụ, chức năng về Phòng Tổng hợp của Văn phòng UBND tỉnh An Giang. Hiện nay, phụ trách trực tiếp chỉ có 03 công chức.

b) *Về công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản triển khai nhiệm vụ KSTTHC tại địa phương*

Để tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC và tiếp nhận xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức về KSTTHC theo quy định pháp luật, UBND tỉnh ban hành 15 văn bản chỉ đạo, điều hành (*phụ lục 4*).

c) *Về tình hình thực hiện niêm yết công khai các quy định về TTHC*

Việc công khai TTHC trên địa bàn tỉnh An Giang được thực hiện bằng nhiều hình thức như:

- **Niêm yết trên bảng đặt tại trụ sở cơ quan giải quyết TTHC**, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh, Bộ phận Tiếp

nhận và trả Kết quả cấp huyện, UBND xã, phường, thị trấn đã niêm yết TTHC bằng hình thức này.

- **Công khai TTHC trên mạng điện tử (Internet)**, Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang đã đăng tải tất cả Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước (CQHCCNN). Ngoài ra, các Sở, Ban, Ngành tỉnh đăng tải Bộ TTHC, Danh mục TTHC mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý lên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình; UBND huyện, thị xã, thành phố công khai Bộ TTHC chung áp dụng tại UBND cấp huyện và Bộ TTHC chung áp dụng tại UBND cấp xã lên Cổng thông tin điện tử của huyện.

- **Công khai TTHC thông qua các hình thức khác**: ngoài việc công khai TTHC theo hình thức bắt buộc kể trên, còn thực hiện việc đóng cuốn các Bộ TTHC để các CQHCCNN đặt tại bàn làm việc của cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và bàn tiếp công dân của các CQHCCNN.

d) Về công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện KSTTHC

Thực hiện Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh về Kiểm tra việc thực hiện hoạt động KSTTHC trên địa bàn tỉnh năm 2020. UBND tỉnh đã tiến hành kiểm tra thực tế tại 24 đơn vị, địa phương gồm: 02 Sở, 11 đơn vị cấp huyện, 11 xã, phường, thị trấn⁵. Thông qua đó, Đoàn kiểm tra đã giúp UBND tỉnh triển khai, hướng dẫn và chấn chỉnh những thiếu sót của các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ ngày càng tốt hơn.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi, ưu điểm

- Tổ chức CCTTHC, KSTTHC được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ rất quan tâm. Nhiều văn bản quy phạm, thông tư hướng dẫn được Trung ương ban hành khá đầy đủ để địa phương triển khai thực hiện.

- Nhận thức của cán bộ lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức về cải cách hành chính (CCHC), TTHC, KSTTHC, về nền hành chính phục vụ được nâng lên rất nhiều. Rất ít trường hợp thiếu sót hạn chế cho chủ quan, thiếu ý thức, trách nhiệm. Nhiều mô hình, sáng kiến của các ngành, các cấp về CCTTHC được triển khai có hiệu quả.

- Người dân đa số đã tích cực tham gia vào việc đánh giá, kiểm soát hoạt động thực hiện TTHC của chính quyền.

- Công nghệ thông tin phát triển, tạo điều kiện triển khai nhiều ứng dụng hiệu quả trong công khai, giám sát, vận hành các hoạt động TTHC, rút ngắn thời

⁵ Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Xây dựng;

Cấp huyện: UBND huyện An Phú, Phú Tân, Tri Tôn, Tịnh Biên, Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới, Thoại Sơn, Thị xã Tân Châu, thành phố Châu Đốc, thành phố Long Xuyên.

Cấp xã: UBND TT An Phú; xã Phú Xuân; xã An Tức; TT Tịnh Biên; xã Bình Mỹ; TT An Châu, xã Bình Phước Xuân; TT Phú Hòa, Phường Vĩnh Ngươn, Phường Bình Đức.

gian và cung cấp đầy đủ thông tin cho người dân doanh nghiệp, giảm thiểu chi phí đi lại, lãng phí xã hội.

- Sự tham gia của các tổ chức dịch vụ công bưu chính, các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước góp phần rất lớn vào hiệu quả giải quyết TTHC.

- Hình thành nhiều bộ phận tư vấn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đã góp phần rất lớn vào CCTTHC

2. Hạn chế, vướng mắc

- Việc tính toán chi phí tuân thủ TTHC theo quy định của Thông tư 02/2017/TT-VPCP còn gặp khó khăn do một số định mức về mức thu nhập bình quân, định mức vùng miền, định mức chi phí dịch vụ chưa cụ thể.

- Tính minh bạch của một số TTHC của Bộ, ngành công bố chưa cao: nhất là nội dung về thành phần hồ sơ (không quy định cụ thể loại giấy tờ nào mà chỉ quy định: Các loại giấy tờ khác có liên quan hoặc thành phần hồ sơ chỉ ghi 1 câu là: Không quy định rõ); phí, lệ phí (không quy định mức phí, lệ phí cụ thể mà chỉ nêu là Bộ Tài chính quy định chi tiết về mức thu lệ phí); thời hạn giải quyết thì chỉ nêu là: chưa quy định cụ thể ... Vấn đề này gây khó khăn cho địa phương trong quá trình chuẩn hóa, công bố các Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của địa phương.

- Diện tích TTPVHCC hiện đang thuê của Bưu điện tỉnh chưa đảm bảo và Bưu điện tỉnh đang trong quá trình cải tạo nâng cấp nên việc triển khai đưa các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh theo danh mục được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg dự kiến vào Quý IV năm 2020.

- Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được khai thác và sử dụng đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp thông tin và người dân tiếp cận với thông tin, hoạt động CCHC, tình hình, kết quả giải quyết TTHC và các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh... Tuy nhiên, việc công chức tiếp nhận hồ sơ sử dụng vẫn còn một số hạn chế nhất định.

- Nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, nghĩa là, người dân có thể đăng ký giải quyết TTHC thông qua mạng internet, tại cổng dịch vụ công của tỉnh. Tuy nhiên, hiệu quả chưa cao do trình độ công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế, nên chưa chủ động trong thực hiện việc đăng ký TTHC trực tuyến.

- Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức qua dịch vụ bưu chính công ích đã được người dân đón nhận. Tuy nhiên, số lượng hồ sơ phát sinh qua dịch vụ công so với hồ sơ được tiếp nhận trực tiếp vẫn còn ít.

- Hiện nay chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận “Một cửa” không còn, do đó đã ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của cán bộ, công chức. Tuy nhiên, áp lực công việc và trách nhiệm đối với các cán bộ, công

chức, viên chức thường trực tại Bộ phận “Một cửa” rất cao. Do đó, chưa động viên kịp thời tinh thần trách nhiệm làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2020

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh An Giang. Tăng cường hiệu quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên cơ sở: củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC tại UBND cấp huyện.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung theo kế hoạch các Quyết định: Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch Tổ chức hoạt động KSTTHC năm 2020.

- Tiếp nhận, xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính và thường xuyên giám sát việc thực hiện TTHC của các cơ quan trên địa bàn tỉnh An Giang; Tạo tài khoản, cung cấp các tài khoản cho Sở, Ban, Ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

- Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp, đôn đốc các Sở, Ban, Ngành khẩn trương xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ và quy trình điện tử trong giải quyết TTHC để thống nhất tại địa phương.

- Tiếp tục việc thực hiện liên thông các TTHC theo Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang về đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí.

- Đôn đốc các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các TTHC theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo Sở, Ban, Ngành tỉnh tiến hành rà soát tính phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành của các TTHC đã được quy định văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh trước đây.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch Tuyên truyền CCTTHC năm 2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Triển khai tập huấn nghiệp vụ KSTTHC trên địa bàn tỉnh An Giang.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Nhằm đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện công tác KSTTHC Nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt kết quả cao hơn trong thời gian tới, UBND tỉnh đề xuất, kiến nghị một số vấn đề sau đây:

1. Đối với Văn phòng Chính phủ

- Phối hợp với các Bộ có liên quan sớm có hướng dẫn tạm thời cho UBND tỉnh An Giang được hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa các cấp, nhằm khích lệ, động viên tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn địa phương thực hiện tốt các nhiệm vụ trong công tác CCTTHC nói chung và KSTTHC nói riêng.

- Sớm triển khai hệ thống báo cáo đánh giá TTHC theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-VPCP

- Xem xét điều chỉnh quy trình đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được quy định tại Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ khá phức tạp, lãng phí giấy tờ, còn mang tính hình thức, gây mất nhiều thời gian của công chức thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân.

2. Đối với các Bộ, Ngành Trung ương

Bộ Khoa học và Công nghệ: kiến nghị Bộ khi phê duyệt Quyết định ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các TTHC thuộc lĩnh vực KH&CN nên gửi văn bản hoặc thông tin đến địa phương để địa phương tiến hành rà soát, cập nhật kịp thời các TTHC theo đúng quy định do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Để tăng cường hỗ trợ, phối hợp với địa phương thực hiện công việc đạt kết quả tốt hơn, đề nghị các Bộ, Ngành cần tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra và thông tin cho UBND tỉnh về tình hình thực hiện công tác KSTTHC tại các cơ quan ngành dọc thuộc thẩm quyền quản lý đóng trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn Phòng Chính phủ;
 - Bộ Khoa học và Công nghệ;
 - TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQVN tỉnh An Giang;
 - Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
 - Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
 - Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - UBND cấp huyện; UBND cấp xã;
 - Công TTĐT tỉnh An Giang
- (đăng tải B/C);
- Lưu VT, TH.
(Đính kèm Báo cáo số 559/BC-UBND ngày 09/9/2020)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC 1

Tình hình thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện chế độ, thông tin báo cáo về kiểm soát thủ tục hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 608/BC-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Kiểm soát thủ tục hành chính Quý III năm 2020 tỉnh An Giang)

STT	Tên đơn vị	Kết quả kiểm soát TTHC và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo (Văn bản giấy)	Ngày nhận văn bản, số liệu báo cáo	Ghi chú
CẤP TỈNH				
1	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang	x	16/9/2020	
2	Sở Công thương tỉnh An Giang	x	21/9/2020	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang	x	18/9/2020	
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang	x	16/9/2020	
5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang	x	18/9/2020	
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang	x	18/9/2020	
7	Sở Ngoại vụ tỉnh An Giang	x	16/9/2020	
8	Sở Nội vụ tỉnh An Giang	x	18/9/2020	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang	x	21/9/2020	
10	Sở Thông tin và truyền thông tỉnh An Giang	x	17/9/2020	
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang	x	18/9/2020	
12	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	x	21/9/2020	
13	Sở Y tế tỉnh An Giang	x	18/9/2020	
14	Thanh tra tỉnh An Giang	x	17/9/2020	
15	Sở Giao thông Vận tải tỉnh An Giang	x	17/9/2020	
16	Sở Tài chính tỉnh An Giang	x	19/9/2020	
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	x	17/9/2020	
18	Sở Tư pháp tỉnh An Giang	x	20/9/2020	
19	Ban Dân tộc	x	22/9/2020	
NGÀNH DỤC				
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang	x	22/9/2020	

STT	Tên đơn vị	Kết quả kiểm soát TTHC và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo (Văn bản giấy)	Ngày nhận văn bản, số liệu báo cáo	Ghi chú
2	Hải quan tỉnh An Giang	x	18/9/2020	
3	Cục thuế tỉnh An Giang	x	18/9/2020	
4	Công an tỉnh An Giang	x	21/9/2020	
5	Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang	x	18/9/2020	
6	Ngân hàng nhà nước chi nhánh An Giang	x	19/9/2020	
7	Ngân hàng chính sách xã hội	x		Không cung cấp
8	Ngân hàng phát triển Việt Nam	x	18/9/2020	
CẤP HUYỆN				
1	TP. Long Xuyên	x	21/9/2020	
2	TP. Châu Đốc	x	24/9/2020	
3	Huyện Thoại Sơn	x	23/9/2020	
4	Huyện Châu Thành	x	23/9/2020	
5	Huyện Châu Phú	x	23/9/2020	
6	Huyện Chợ Mới	x	21/9/2020	
7	Huyện Phú Tân	x	23/9/2020	
8	Huyện An Phú	x	23/9/2020	
9	Huyện Tân Châu	x	24/9/2020	
10	Huyện Tri Tôn	x	28/9/2020	Trễ hạn
11	Huyện Tịnh Biên	x	22/9/2020	

Ghi chú:

- x: đã thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC và thực hiện nghiêm túc chế độ, thông tin báo cáo theo quy định (đủ điều kiện hỗ trợ chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ là đầu mối kiểm soát TTHC).

- 0: Chưa gửi báo cáo.

PHỤ LỤC 2**Danh sách các Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính: ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của một số cơ quan, đơn vị**

(Kèm theo Báo cáo số 608/BC-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Kiểm soát thủ tục hành chính Quý III năm 2020 tỉnh An Giang)

1. Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 16/09/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (Công bố mới: cấp tỉnh 2 thủ tục - 1 lĩnh vực; cấp huyện: 2 thủ tục - 1 lĩnh vực; sửa đổi: 1 thủ tục - 1 lĩnh vực; thay thế: 1 thủ tục - lĩnh vực);

2. Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 16/09/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải (Sửa đổi, bổ sung: 4 thủ tục - 1 lĩnh vực);

3. Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 09/09/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường (Công bố mới 3 thủ tục – 1 lĩnh vực; Sửa đổi, bổ sung: cấp tỉnh: 6 thủ tục- 1 lĩnh vực ; cấp huyện: 4 thủ tục – 1 lĩnh vực ; Bãi bỏ: cấp tỉnh: 8 thủ tục - 1 lĩnh vực; cấp huyện: 1 thủ tục – 1 lĩnh vực; cấp xã: 4 thủ tục 1 lĩnh vực);

4. Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 26/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa và bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản; lĩnh vực quản lý tài sản và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thẩm quyền giải quyết và chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh An Giang (Công bố mới 1 lĩnh vực 1 thủ tục; bãi bỏ 12 thủ tục; chuẩn hóa 2 lĩnh vực - 12 thủ tục);

5. Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 24/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung Lĩnh vực xuất bản, in và phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang (Mới 1 thủ tục – 1 lĩnh vực; sử đổi, bổ sung: 8 thủ tục – 3 lĩnh vực);

6. Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính An Giang (thay thế 1 thủ tục; bãi bỏ 7 thủ tục);

7. Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý Sở Xây dựng tỉnh An Giang (Công bố mới: cấp tỉnh 21 thủ tục; cấp huyện: 9 thủ tục; Bãi bỏ: cấp tỉnh 17 thủ tục; cấp huyện: 7 thủ tục);

8. Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được thay thế và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang (Công bố mới: 3 lĩnh vực - 6 thủ tục; thay thế 1 lĩnh vực - 2 thủ tục; bãi bỏ 3 lĩnh vực - 14 thủ tục);

9. Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 17/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường (Sửa đổi, bổ sung: 1 lĩnh vực - 3 thủ tục);

10. Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 17/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất bản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang (Sửa đổi, bổ sung: 1 lĩnh vực - 8 thủ tục);

11. Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 13/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa và bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật và luật sư thuộc thẩm quyền giải quyết và chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh An Giang (Chuẩn hóa 20 thủ tục; bãi bỏ 11 thủ tục);

12. Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 13/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Chuẩn hóa 118 thủ tục; sửa đổi, bổ sung: 1 lĩnh vực - 5 thủ tục);

13. Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 15/07/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của Sở Xây dựng tỉnh An Giang (Mới: cấp tỉnh 1 lĩnh vực - 1 thủ tục; cấp huyện: 1 lĩnh vực - 1 thủ tục; Bãi bỏ: 1 lĩnh vực - 5 thủ tục);

14. Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 10/07/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông An Giang (Sửa 1 lĩnh vực - 6 thủ tục);

15. Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 09/07/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang (Mới: cấp tỉnh 1 lĩnh vực – 2 thủ tục; cấp huyện: 1 lĩnh vực 4 thủ tục; Bãi bỏ: 1 lĩnh vực 3 thủ tục);

16. Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 07/07/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm và phổ biến giáo dục pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết và chức năng quản lý của Sở Tư pháp (Sửa đổi 1 lĩnh vực - 9 thủ tục; Bãi bỏ: cấp tỉnh 1 lĩnh vực 2 thủ tục; cấp huyện 1 lĩnh vực 2 thủ tục);

17. Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 19/06/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang (Sửa đổi 1 lĩnh vực - 6 thủ tục);

18. Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 19/06/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch và chứng thực thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Tư pháp tỉnh An Giang (Cấp tỉnh: Sửa đổi 1 lĩnh vực - 5 thủ tục; Cấp huyện: 1 lĩnh vực - 11 thủ tục; Cấp xã: 1 lĩnh vực - 5 thủ tục; Bãi bỏ: 1 lĩnh vực - 1 thủ tục);

19. Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 19/06/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (Sửa đổi 1 lĩnh vực - 02 thủ tục; Bãi bỏ 1 lĩnh vực - 01 thủ tục).

PHỤ LỤC 3

Danh sách các quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của các đơn vị
(Kèm theo Báo cáo số 608/BC-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Kiểm soát thủ tục hành chính Quý III năm 2020 tỉnh An Giang)

1. Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 13/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở xây dựng;

2. Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 09/07/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 4

Văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh về Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang
(Kèm theo Báo cáo số 608/BC-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Kiểm soát thủ tục hành chính Quý III năm 2020 tỉnh An Giang)

1. Công văn số 664/UBND-TH ngày 24/06/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấn chỉnh công tác giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng.
2. Công văn số 726/UBND-TH ngày 09/07/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai dịch vụ công chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
3. Công văn số 727/UBND-TH ngày 09/07/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cung cấp danh sách doanh nghiệp thực hiện TTHC trong 6 tháng cuối năm 2019.
4. Công văn số 879/UBND-TH ngày 20/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc nâng cao Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam theo đánh giá của Liên Hợp quốc.
5. Công văn số 881/UBND-TH ngày 20/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tháo gỡ các khó khăn trong hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công.
6. Công văn số 932/UBND-TH ngày 07/09/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Chấn chỉnh trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.
7. Công văn số 986/UBND-TH ngày 17/09/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai một số công việc tích hợp, cung cấp DVCTT trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
8. Công văn số 985/UBND-TH ngày 17/09/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc khai thác, sử dụng Nền tảng trao đổi định danh điện tử của Cổng Dịch vụ công quốc gia.
9. Công văn số 2833/VPUBND-TH ngày 16/06/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc đôn đốc việc giải quyết hồ sơ trực tuyến hỗ trợ đối tượng gặp khó khăn do dịch Covid-19.
10. Công văn số 3007/VPUBND-TH ngày 24/06/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc cung cấp danh sách doanh nghiệp thực hiện TTHC trong 6 tháng cuối năm 2019.

11. Công văn số 3403/VPUBND-TH ngày 15/07/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc thực hiện kết nối Hệ thống báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh (LRIS).

12. Công văn số 3408/VPUBND-TH ngày 16/07/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg.

13. Công văn số 3554/VPUBND-TH ngày 23/07/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc triển khai tích hợp một số dịch vụ công của Ngành Tư pháp lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

14. Công văn số 3906/VPUBND-TH ngày 11/08/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh An Giang.

15. Công văn số 3970/VPUBND-TH ngày 13/08/2020 của Văn phòng UBND tỉnh Cung cấp số liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

16. Công văn số 4102/VPUBND-TH ngày 20/08/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc tham dự buổi tập huấn sử dụng Hệ thống báo cáo, tổng hợp dữ liệu động của tỉnh (LRIS).

17. Công văn số 4234/VPUBND-TH ngày 27/08/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phối hợp triển khai thanh toán phí dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

18. Công văn số 4477/VPUBND-TH ngày 11/09/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc cung cấp thông tin kết quả giải quyết TTHC.

PHỤ LỤC 5

**TÌNH HÌNH KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ, BAN,
NGÀNH CẤP TỈNH; UBND CẤP HUYỆN; UBND CẤP XÃ**

(Kèm theo Báo cáo số 608/BC-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Kiểm soát thủ tục hành chính Quý III năm 2020 tỉnh An Giang)

I. CẤP TỈNH

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			Tỷ lệ Giải quyết HS (%)	
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết			Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc DVBC)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)=(8)/(3)
	Sở, Ban, ngành cấp tỉnh	24.467	8.286	3.824	12.357	23.358	23.345	13	1.109	1.109	-	19.504	18.733	13	758	95,414%
1	Sở Ngoại vụ	8	8	0	0	8	8	0	0	0	0	8	8	0	0	100%
2	Thanh tra tỉnh	78	0	0	78	78	78	0	0	0	0	31	31	0	0	100%
3	Sở Giao thông vận tải	5991	0	2317	3674	5991	5991	0	0	0	0	5991	5991	0	0	100%
4	Ban Quản lý khu kinh tế	22	18	1	3	22	22	0	0	0	0	22	22	0	0	100%
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	300	0	1	299	299	299	0	1	1	0	300	299	1	0	99,667%
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1627	1369	0	258	1615	1615	0	12	12	0	1369	1360	0	9	99,262%

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			Tỷ lệ Giải quyết HS (%)	
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết			Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc DVBC)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)=(8)/(3)
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1979	536	42	1401	1964	1960	4	15	15	0	1979	1960	4	15	99,040%
8	Sở Công thương	4119	3916	0	203	4060	4059	1	59	59	0	4119	4059	1	59	98,543%
9	Sở Tài chính	105	84	0	21	102	102	0	3	3	0	105	102	0	3	97,143%
10	Sở Y tế	4738	0	177	4561	4594	4591	3	144	144	0	749	636	3	110	96,897%
11	Sở Thông tin và Truyền thông	32	29	3	0	31	31	0	1	1	0	32	32	0	0	96,875%
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	188	177	5	6	178	177	1	10	10	0	188	178	0	10	94,149%
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	612	27	110	475	547	547	0	65	65	0	612	547	0	65	89,379%
14	Sở Nội vụ	370	2	22	346	329	329	0	41	41	0	370	329	0	41	88,919%
15	Sở Tư pháp	3167	1956	874	337	2675	2672	3	492	492	0	2904	2607	3	294	84,370%
16	Sở Khoa học và Công nghệ	19	18	0	1	16	16	0	3	3	0	19	16	0	3	84,211%
17	Sở Xây dựng	618	146	134	338	504	503	1	114	114	0	618	503	1	114	81,392%
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	494	0	138	356	345	345	0	149	149	0	88	53	0	35	69,838%

II. CẤP HUYỆN

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			Tỷ lệ Giải quyết HS (%)	
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết			Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc DVBC)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)=(8)/(3)
	Huyện, thị xã, thành phố	304061	107129	10999	185933	292914	292576	58	11147	11140	7	283807	273349	50	10900	96,223%
1	Huyện Châu Phú	49368	0	116	49252	48977	48977	0	391	391	0	49368	48977	0	391	99,208%
2	Huyện Thoại Sơn	42648	0	2118	40530	42210	42201	9	438	438	0	42646	42201	9	438	98,952%
3	Huyện Chợ Mới	88652	66268	1328	21056	87631	87631	0	1021	1021	0	88652	87631	0	1021	98,848%
4	Huyện Châu Thành	14834	6263	509	8062	14161	14161	0	673	673	0	11894	11221	0	673	95,463%
5	TP. Châu Đốc	6397	0	480	5917	5997	5997	0	400	400	0	6011	6011	0	400	93,747%
6	TP. Long Xuyên	19866	9216	906	9744	18612	18600	12	1254	1249	5	19702	18455	12	1235	93,627%
7	Thị xã Tân Châu	28820	15072	1378	12370	27172	26917	8	1648	1646	2	23273	21902	0	1461	93,397%
8	Huyện Tịnh Biên	28720	583	2080	26057	26670	26633	4	2050	2050	0	27203	25149	4	2050	92,733%
9	Huyện Phú Tân	13857	5327	1050	7480	12575	12567	8	1282	1282	0	7454	6205	8	1241	90,691%
10	Huyện An Phú	10899	4400	1034	5465	8909	8892	17	1990	1990	0	7604	5597	17	1990	81,585%
11	Huyện Tri Tôn	7780	0	2002	5778	5584	5584	0	2196	2196	0	4108	4108	0	0	71,774%

III. CẤP XÃ

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			Tỷ lệ Giải quyết HS (%)	
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết			Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc DVBC)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)=(8)/(3)
	Huyện, thị xã, thành phố (Cấp xã)	283600	16411	5	267184	283525	283523	2	75	73	2	258633	258574	2	59	100%
1	TP. Long Xuyên	53801	0	0	53801	53801	53801	0	0	0	0	51993	51993	0	0	100%
2	Huyện Thoại Sơn	16230	0	0	16230	16230	16230	0	0	0	0	16230	16230	0	0	100%
3	Huyện Châu Thành	16465	4573	0	11892	16465	16465	0	0	0	0	16465	16465	0	0	100%
4	Huyện Châu Phú	25638	0	0	25638	25638	25638	0	0	0	0	25638	25638	0	0	100%
5	Huyện Chợ Mới	31414	0	0	31414	31414	31414	0	0	0	0	31414	31414	0	0	100%
6	Huyện An Phú	29426	0	0	29426	29424	29424	0	2	2	0	29041	29039	0	2	99,993%
7	Huyện Phú Tân	20921	8930	0	11991	20919	20919	0	2	2	0	19330	19328	0	2	99,990%
8	TP. Châu Đốc	18069	0	0	18069	18064	18064	0	5	5	0	18038	18038	0	0	99,972%
9	Huyện Tịnh Biên	22356	880	5	21471	22343	22341	2	13	11	0	22226	22224	2	2	99,933%
10	Huyện Tri Tôn	31744	1574	0	30170	31717	31717	0	27	27	0	14135	14108	0	27	99,915%
11	Huyện Tân Châu	17536	454	0	17082	17510	17510	0	26	26	0	14123	14097	0	26	99,852%